

Họ và tên:

Lớp:

PHẦN 1: TỪ VỰNG (VOCABULARY)

Bài 1: Chọn từ đúng để hoàn thành câu

Học sinh chọn một trong các từ sau: **race, helmet, jump, fast, win**

1. You should wear a _____ to protect your head when riding a bike.
2. Usain Bolt is very _____; he can run 100 meters in 9.58 seconds.
3. I want to _____ the gold medal in this competition.
4. The "Our Town Bike _____" will start this Sunday.
5. Some riders can _____ very high with their bikes.

PHẦN 2: NGỮ PHÁP (GRAMMAR)

Bài 3: Chia động từ trong ngoặc (Thì Hiện tại tiếp diễn)

Cấu trúc: **S + am/is/are + V-ing**

1. Nur (read) _____ about the bike race at the moment.
2. Ahmed and his friends (practise) _____ jumps now.
3. What you (do) _____, Nur?
4. We (take) _____ lessons to ride bikes better.
5. Look! The racers (ride) _____ very fast.

Bài 4: Sắp xếp các từ thành câu hoàn chỉnh

1. enter / together / Let's / race / the / .
\$\\rightarrow\$ _____
 2. good / I / enough / don't / am / think / I / .
\$\\rightarrow\$ _____
 3. win / may / We / the / not / race / .
\$\\rightarrow\$ _____
 4. you / Are / scared / , / Nur / ?
\$\\rightarrow\$ _____
-

PHẦN 3: ĐỌC HIỂU (READING COMPREHENSION)

Bài 5: Đọc đoạn hội thoại trong ảnh và chọn Đúng (True) hoặc Sai (False)

1. Nur is reading about a car race. (True / False)
2. Ahmed wants to enter the race with Nur. (True / False)
3. Ahmed is practicing jumps at the moment. (True / False)
4. Nur thinks she is a very fast racer. (True / False)
5. Ahmed thinks having fun is important. (True / False)

ĐÁP ÁN GỢI Ý (ANSWERS)

- **Bài 1:** 1. helmet | 2. fast | 3. win | 4. race | 5. jump
- **Bài 3:** 1. is reading | 2. are practising | 3. are...doing | 4. are taking | 5. are riding
- **Bài 4:** 1. Let's enter the race together.
2. I don't think I am good enough.
3. We may not win the race.
4. Are you scared, Nur?
- **Bài 5:** 1. False | 2. True | 3. True | 4. False | 5. True

Bạn có muốn tôi thiết kế thêm một bài tập viết đoạn văn ngắn dựa trên chủ đề "My Favorite Sport" để học sinh thực hành không?